TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 49

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 230,152 đến hàng phần trăm ta được:

A. 230,16 **B.** 230,152 **C.** 230,15 **D.** 230,17

Câu 2. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 6,2 ……. 6,20

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. Kết quả của phép tính 4/5 × 5/9 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 8/9 **B.** 36/25 **C.** 4/9 **D.** 20/14

Câu 4. Mẹ mua 1,7 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 24 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 40 800 đồng **B.** 52 800 đồng **C.** 24 000 đồng **D.** 408 000 đồng

Câu 5. 6 m^2 4 dm^2 = ……. m^2

A. 6,04 **B.** 604 **C.** 6,004 **D.** 6,4

Câu 6. Hình tròn có bán kính 9 cm. Chu vi hình tròn là:

A. 56,52 cm **B.** 28,26 cm **C.** 254,34 cm **D.** 113,04 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 10,758; 10,735; 10,04; 10,6; 10,96.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	
b) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
c) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
d) 1 km^2 = 100 ha	

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 2,27 × 4 = …….

b) 5,75 × 5,5 + 5,75 × 4,5 = …….

c) 39,3 + 32,5 + 3,7 + 0,5 = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 2 cm = …… m

b) 3 kg 98 g = …… kg

c) 3 ha = …… m^2

d) 3500 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 5 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 5 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 24 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 49

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	C	A	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 10,04 < 10,6 < 10,735 < 10,758 < 10,96

a) 10,04

b) 10,96

c) 10,735

d) 10,96 + 10,04 = 21

Bài 2.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 2,27 = 10 × 2,27 = 22,7

b) 5,75 × (5,5 + 4,5) = 5,75 × 10 = 57,5

c) (39,3 + 3,7) + (32,5 + 0,5) = 43 + 33 = 76

Bài 4.

a) 2,02

b) 3,098

c) 30 000

d) 0,35

Bài 5.

a) 5 × 2 × 3,14 = 31,4

b) 5 × 5 × 3,14 = 78,5

c) 24 × 3,14 = 75,36

Bài 6.

Số vải: 2,9 × 6 = 17,4 (m)

Số tiền: 80 000 × 17,4 = 1 392 000 (đồng)